

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày: 03-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Diệp

Bà Nguyễn Thị Bé Em

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

BÙI VĂN L, sinh năm: 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 98/28, khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Bùi Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1950; Vợ: Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1983; Có 01 người con sinh năm 2007; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/11/2017. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Đặng Văn N, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số 98/34D, khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: Số 98/34D, khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Có mặt)

2. Võ Thị L, sinh năm: 1959;

Nơi cư trú: Số 360, ấp C, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Bạch T, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Số 98/34, khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 06/7/2017, sau khi đi làm chung tại công trình xây dựng ở xã PN, thành phố BT về, Bùi Văn L và Đặng Văn N cùng đi uống rượu tại quán Út H ở Phường M, thành phố BT và một quán không tên ở xã PH, thành phố BT. Trong lúc uống rượu cả hai xảy ra cự cãi với nhau, L dùng chai rượu dọa đánh N nhưng được mọi người can ngăn nên cả hai tiếp tục ngồi nhậu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong, L về nhà bà Nguyễn Thị B (bà nội của L) ở số 98/28, khu phố B, Phường B, thành phố BT lấy 02 con dao Thái Lan (01 dao cán bằng nhựa màu vàng và 01 dao cán bằng gỗ dài khoảng 20cm, mũi nhọn) giấu vào trong người rồi ra quán cà phê gần khu vực ngã tư Bảy P ở khu phố B, Phường B, thành phố BT ngồi chờ. Được một lúc thì N về đến và cả hai tiếp tục cự cãi với nhau. Trong lúc cự cãi, L lấy con dao Thái Lan màu vàng ra đâm nhiều nhát vào ngực, tay của N gây thương tích nặng, cùng lúc đó N cũng dùng nón bảo hiểm đánh L nhưng chỉ gây thương tích nhẹ cho L ở mũi nên L bỏ về nhà. Riêng N được mọi người đưa vào Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu cấp cứu và điều trị đến ngày 25/7/2017 xuất viện.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 con dao Thái Lan dài 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn.
- 01 con dao Thái Lan dài 20cm, cán bằng gỗ, mũi nhọn.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 218-817/TgT ngày 18/8/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bến Tre xác định Đặng Văn N bị các thương tích sau:

- Vết thương ngực trái từ đường nách trước xuống dưới và ra sau khoảng liên sườn 7-8 dài 10cm thấu vào lồng ngực gây:

+ Thủng thùy dưới phổi trái dài 06cm.

+ Thủng cơ hoành trái dài 08cm.

+ Thủng cực trên lách.

- Vết thương ngực phải cách bờ phải xương ức 04cm khoảng liên sườn 5-6 dài 06cm thấu vào lồng ngực gây:

+ Thủng cơ hoành phải.

+ Thủng gan ở hạ phân thùy IV.

- Vết thương phần mềm 1/3 trên cánh tay phải, kích thước: 05cmx03cm

- Vết thương phần mềm 1/3 dưới cánh tay phải, kích thước: 06cmx03cm
- Vết thương phần mềm mô cái bàn tay phải, kích thước: 06cmx03cm

Quyết định xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho Đặng Văn N là 50%.

Riêng Bùi Văn L có đơn từ chối giám định vết thương do Đặng Văn N dùng nón bảo hiểm đánh trúng vùng mũi.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSTPBT-TA ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Áp dụng khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 05 đến 06 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Đặng Văn N 61.101.580 đồng; Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại N số tiền là 5.000.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao Thái Lan dài 20 cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn và 01 con dao Thái Lan dài 20 cm, cán bằng gỗ, mũi nhọn.

Bị cáo Bùi Văn L có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 11 giờ ngày 06/7/2017, bị cáo và bị hại N có uống rượu cùng nhau tại Phường M và xã PH, thành phố BT và có xảy ra cự cãi nên được mọi người can ngăn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị cáo về nhà nội của bị cáo ở Phường B, thành phố BT lấy 02 con dao thái lan giấu vào trong người và đi ra quán cà phê gần khu vực ngã tư Bảy P ở Phường B, thành phố BT ngồi chờ bị hại N. Một lúc sau thì anh N đến và cả hai tiếp tục xảy ra cự cãi nên L lấy dao đâm nhiều nhát vào ngực và tay của N gây thương tích, bị hại N dùng nón bảo hiểm đánh L nhưng chỉ gây thương tích nhẹ, sau đó bị cáo L bỏ về nhà. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Đặng Văn N trình bày: Ngày 06/7/2017, anh và bị cáo L cùng uống rượu tại quán rượu ở Phường M và xã PH, thành phố BT. Trong lúc uống rượu, anh có nhắc bị cáo việc bị cáo còn thiếu tiền công làm của anh, sau đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, bị cáo định đánh anh thì được mọi người can ngăn. Khi anh về nhà anh ở Phường B, thành phố BT, bị cáo ngồi gần đó để đợi, 02 người gặp nhau có cãi qua lại thì bị cáo dùng 02 tay cầm 02 con dao đâm nhiều nhát vào người anh, anh có dùng nón bảo hiểm đang cầm trên tay đánh lại bị cáo. Sau đó mọi người can ngăn và anh được mọi người đưa đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu cấp cứu. Tiền chi phí điều trị hơn 35.000.000 đồng nhưng anh có bảo hiểm y tế thanh toán nên anh chỉ chi trả hơn 7.000.000 đồng. Anh và bị cáo đã có thỏa thuận bồi thường các khoản gồm chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, công lao động

của anh bị mất và người chăm sóc anh lúc điều trị vết thương tổng cộng 66.101.580 đồng. Bị cáo đã bồi thường trước 5.000.000 đồng, còn lại anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp.

Người có liên quan là bà Võ Thị L và chị Trần Thị Mỹ H là mẹ và vợ của anh N trình bày: bà và chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng lúc anh N điều trị vết thương. Khoản tiền công lao động anh N và bị cáo thỏa thuận bồi thường có tiền công của bà L và chị H, do đó bà và chị đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo L thừa nhận vào khoảng 11 giờ ngày 06/7/2017, bị cáo và bị hại N có uống rượu cùng nhau tại Phường M và xã PH, thành phố BT và có xảy ra cự cãi nên được mọi người can ngăn. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị cáo về nhà ngoại của bị cáo ở Phường B, thành phố BT lấy 02 con dao Thái Lan giấu vào trong người và đi ra quán cà phê gần khu vực ngã tư Bảy P ở Phường B, thành phố BT ngồi chờ bị hại N. Một lúc sau thì anh N đến và cả hai tiếp tục xảy ra cự cãi nên L lấy dao đâm nhiều nhát vào ngực và tay của N gây thương tích, bị hại N dùng nón bảo hiểm đánh L nhưng chỉ gây thương tích nhẹ, sau đó bị cáo L bỏ về nhà; Tỷ lệ % tổn thương cơ thể của anh N được giám định là 50%, bị cáo L đồng ý và không yêu cầu giám định lại. Lời thừa nhận của bị cáo L phù hợp với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra và phù hợp với lời trình bày của bị hại và người làm chứng. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ khẳng định N bị bị cáo L dùng dao trực tiếp đâm là có thật. Bị cáo dùng dao đâm anh N gây thương tích theo quy định pháp luật dao là hung khí nguy hiểm, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh N là 50%. Vì vậy, hành vi của L phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng, tính mạng sức khỏe của con người là vốn quý, được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân và muốn giải quyết các mâu thuẫn trong xã hội bằng vũ lực nên bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho bị hại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và khả năng lao động của bị hại không những ở hiện tại mà còn ở tương lai, gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân thấy rằng bị cáo đã từng bị tòa án kết án và bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính do có hành vi vi phạm pháp luật. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho bị hại; gia đình của bị cáo khó khăn và bị cáo đang nuôi con chưa thành niên; bị hại cũng có một phần lỗi, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 7.101.580 đồng, thu nhập bị mất của người nuôi bệnh 8.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người bệnh 12.000.000 đồng, bù đắp tổn thất về mặt tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 39.000.000 đồng, tổng cộng 66.101.580 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra bị cáo đã bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng nên được trừ vào tổng số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường.

[6] Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt có lợi hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo. Do đó, cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng trong vụ án, bao gồm: 01 con dao Thái Lan dài 20 cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn và 01 con dao thái lan dài 20 cm, cán bằng gỗ, mũi nhọn. Xét thấy, 01 con dao thái lan dài 20 cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn là công cụ bị cáo thực hiện tội phạm và 01 con dao thái lan dài 20 cm, cán bằng gỗ, mũi nhọn là của bị cáo nhưng bị cáo không yêu cầu nhận lại, cả 02 con dao trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo L “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Bùi Văn L phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng khoản 3 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2017.

2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 357, 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại Đặng Văn N 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại Đặng Văn N 61.101.580 (sáu mươi một triệu, một trăm lẻ một ngàn, năm trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao thái lan dài 20 cm, cán bằng nhựa màu vàng, mũi nhọn và 01 (một) con dao thái lan dài 20 cm, cán bằng gỗ, mũi nhọn.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đang quản lý)

4. Áp dụng Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 3.050.500 (ba triệu, không trăm lẻ năm ngàn, năm trăm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường B, xã PH, thành phố BT (2b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình